

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày: 27-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đình Việt Nam**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hồ Quốc Hương**
Bà **Trần Thị Thanh Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Đình Vương Vũ** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 12/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Quốc T1, sinh ngày 10/8/1993, tại tỉnh Cà Mau;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quốc T3 và bà Danh Thị T4; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế từ ngày 26/8/2017 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Thanh T2 (tên gọi khác: S), sinh ngày 15/9/1995, tại tỉnh Đồng Tháp;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Tú N và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế từ ngày 26/8/2017 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh **Trần Văn L**, sinh ngày 10/6/1985; nơi ĐKNKTT: C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 17/9/1965; nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã T1, huyện T2, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Ông Lê X, sinh ngày 01/01/1962; nơi ĐKNKTT: Thôn 2, xã H1, huyện H2, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Anh Lê Thanh T, sinh ngày 10/4/1981; địa chỉ: Thôn T, xã C2, huyện C3, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H, sinh ngày 12/4/1965.

Địa chỉ: Số 13 A, đường H1, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Chỗ ở hiện nay: C1, xã C2, huyện C3, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Tiến D, sinh ngày 09/11/1991.

Chỗ ở hiện nay: L, huyện T, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

- Bà Phạm Thị C, sinh ngày 10/8/1971.

Địa chỉ: Số 97 đường A1, phường A2, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2017, bị cáo Trần Quốc T1 và Huỳnh Thanh T2 quen biết nhau khi cùng làm việc ở một đoàn đoàn ca nhạc tạp kỹ và tổ chức các trò chơi có thưởng tại tỉnh Ninh Thuận. Sau đó, bị cáo T1 rủ T2 đến cùng làm ở đoàn ca nhạc P do ông B (thường gọi là BĐ, không rõ địa chỉ cụ thể) làm trưởng đoàn, đang hoạt động ở các vùng nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Quảng Trị. Vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8/2017, bị cáo T1 và T2 đã bàn bạc để cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn các huyện H, huyện T, huyện C3, tỉnh Quảng Trị cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Chiếm đoạt tài sản của anh Trần Văn L.

Sáng ngày 25/7/2017, bị cáo T1 và bị cáo T2 đón xe đến thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị tìm đoàn ca nhạc xin việc làm nhưng không tìm được nên T2 và T1 quyết định quay trở lại thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoảng 22h cùng ngày, hai bị cáo đi bộ dọc Quốc lộ 9 hỏi đường và hỏi thuê xe thồ, được bà Lê Thị N (trú tại thôn C12, xã C2, huyện C3) chỉ đến nhà anh Trần Văn L ở cùng thôn để hỏi thuê xe thồ. Khi đến nhà anh L, bị cáo T1 đứng ở ngoài còn bị cáo T2 đi vào sân nhà gọi nhưng không có ai trả lời. Tiếp đến, bị cáo T1 tiếp tục gọi thêm khoảng hai đến ba lần nữa nhưng không có ai trả lời. Lúc này, bị cáo T1 phát hiện xe mô tô BKS 74C1 - 099.95 đang dựng ở sân, kiểm tra thì thấy xe không khóa cổ nên nảy sinh ý định lấy trộm xe. T1 dắt xe đến vị trí T2 đang đứng đợi, thấy vậy bị cáo T2 hiểu ngay là T1 muốn lấy trộm xe. Lúc T1 dắt xe ra đến chỗ của T2 thì T1 nói T2 giữ xe để T1 phá khóa xe. T2 đồng ý và tiến lại sát bên trái xe (hướng từ sau ra trước) đứng giữ xe, đồng

thời quan sát, cảnh giới xung quanh. Bị cáo T1 dùng tay phải giữ ốp nhựa đầu xe, tay trái luồn vào trong ốp nhựa trước đầu xe giật đứt hai sợi dây điện nối vào ổ khóa điện, rồi nối các sợi dây điện vừa giật đứt lại với nhau, dùng chân đạp vào cần khởi động thì khởi động được xe, T1 điều khiển xe chở T2 đến Quốc lộ 1A để vào thành phố H2. Khi đến địa phận thành phố Đ, sau khi dừng xe cả hai dùng tay giật mạnh yên xe để đồ xăng thì phát hiện bên trong cốp xe có giấy đăng ký xe mang tên Trần Văn L. Sau khi đồ xăng, bị cáo T1 điều khiển xe chở bị cáo T2 đi vào thành phố H2.

Ngày 11/8/2017, bị cáo T1 và T2 đưa xe mô tô BKS 74C1 - 099.95 đến tiệm cầm đồ H (số 13A đường H, phường V, thành phố H2, tỉnh Thừa Thiên Huế) để thế chấp mượn tiền của bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H (sinh năm 1965). Để bà H tin tưởng, bị cáo T1 nói với bà H là xe do T1 mới mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, đồng thời để lại giấy chứng minh nhân dân mang tên T1 hứa hẹn vài ngày sau sẽ đến chuộc lại xe. Bà H tin lời nên đưa cho T1 6.000.000 đồng, đồng thời viết giấy mượn tiền với nội dung: T1 mượn tiền bà H và để lại tài sản làm tin. Toàn bộ số tiền mượn bà H hai bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-ĐGTS ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C3, tỉnh Quảng Trị kết luận: xe mô tô BKS 74C1 - 099.95 hiệu Yamaha-Sirius có trị giá: 8.300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn C

Khoảng 12 giờ ngày 18/8/2017, bị cáo T1 và bị cáo T2 lấy trộm xe mô tô BKS 75K8 – 5930 (tại địa phận xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế), sau đó bị cáo T1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo T2 dọc theo tỉnh lộ 49B hướng từ thị xã H đi tỉnh Quảng Trị để tẩu thoát và tìm kiếm lấy trộm thêm xe khác.

Khi đến địa phận tỉnh Quảng Trị, T1 điều khiển xe chạy theo tỉnh lộ 49C hướng đi huyện T, đi được khoảng 15km thì xe hết xăng nên tắt máy. Khoảng 16h cùng ngày, cả hai bị cáo dắt bộ xe đến trước cổng chùa N (thuộc địa phận xã T1, huyện T) thì dừng lại để nghỉ. Lúc này, cả hai phát hiện trước cổng chùa có dựng 04 chiếc xe mô tô, trong đó có xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 nhãn hiệu Yamaha-Sirius, màu sơn đỏ - đen. Thấy không có người trông coi nên bị cáo T2 nói với bị cáo T1 “*Lấy trộm xe mô tô này đi và để lại xe đang đi vì hết xăng*”, T1 hiểu ý và đồng ý thực hiện. Bị cáo T2 tiếp tục quan sát xung quanh, còn bị cáo T1 đi đến vị trí xe mô tô BKS 74D1 - 142.73, dùng tay luồn vào trong phần ốp nhựa trước đầu xe giật đứt hai sợi dây điện nối sau ổ khóa điện của xe, rồi nối các sợi dây vừa giật đứt lại với nhau, dùng chân đạp vào cần khởi động thì khởi động được xe. Bị cáo T1 điều khiển xe chở bị cáo T2 chạy ngược lại theo đường cũ để đi vào thành phố H2 và bỏ lại xe mô tô BKS 75K8 - 5930 tại hiện trường. Đi được một lúc, T1 dừng xe lại, dùng tay giật mạnh yên xe thì phát hiện trong cốp xe có giấy đăng ký xe cùng một số giấy tờ tùy thân của ông C gồm giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự bắt buộc xe mô tô; thẻ bảo hiểm xã hội. Bị cáo T1 cất giấy đăng ký xe vào túi quần, rồi tiếp tục chở bị cáo T2 chạy vào thành phố H2. Chiều cùng ngày, ông C phát hiện xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 không còn ở vị trí mà ông đã dựng trước

đó và thấy xe mô tô BKS 75K8 - 5930 để gần vị trí xe của ông đã dựng nhưng không có ai nhận là xe của mình nên nghĩ ai đó đi nhầm nên dắt xe mô tô BKS 75K8 - 5930 về nhà sau đó giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, tỉnh Quảng Trị kết luận: xe mô tô BKS 74D1 - 124.73 hiệu Yamaha-Sirius có trị giá: 18.612.000 đồng.

Vụ thứ ba: Chiếm đoạt tài sản của ông Lê X

Sau khi lấy trộm được xe mô tô BKS 74D1 - 142.73, hai bị cáo T1 và T2 di chuyển theo tỉnh lộ 49C, hướng từ huyện T đi thành phố H2. Khoảng 17h ngày 18/8/2017, cả hai đi đến cầu HT thuộc địa phận xã HT, huyện H, bị cáo T1 nhìn ở phía bên trái đường (hướng từ cầu HT ra Quốc lộ 1A), cách mép cầu khoảng 5m, có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius, màu sơn đỏ - đen, BKS 61H1 - 160.98. Bị cáo T1 chủ động dừng xe quan sát xung quanh rồi xuống xe đi đến vị trí xe mô tô BKS 61H1 - 160.98, bị cáo T2 liền hiểu ý là T1 muốn lấy trộm và ngồi lại trên xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 và chuyển sang cầm lái xe mô tô BKS 74D1 - 142.73. Bị cáo T1 đi bộ qua đường đến vị trí xe BKS 61H1 - 160.98, dùng tay luồn vào trong phần ốp nhựa trước đầu xe giật đứt hai sợi dây điện nối sau ổ khóa điện của xe mô tô BKS 61H1 - 160.98, rồi nối các sợi dây vừa giật đứt lại với nhau, bị cáo T1 dùng chân đạp vào cần khởi động thì khởi động được xe liền điều khiển xe mô tô BKS 61H1 - 160.98, còn T2 điều khiển xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 chạy ra Quốc lộ 1A rồi đi đến bên xe phía N thành phố H2. Ở đây, bị cáo T1 gửi xe mô tô BKS 61H1 - 160.98 vào bãi giữ xe, sau đó T1 điều khiển xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 chở bị cáo T2 về lại nhà nghỉ NT. Thời gian sau, cả hai tìm cách bán xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 tại thành phố H2 nhưng do xe không chính chủ nên không bán được, cả hai dùng làm phương tiện đi lại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, tỉnh Quảng Trị kết luận: xe mô tô BKS 61H1 - 160.98 hiệu Yamaha-Sirius có trị giá: 8.280.000 đồng.

Vụ thứ tư: Chiếm đoạt tài sản của anh Lê Thanh T.

Khoảng 14h ngày 25/8/2017, khi cả hai đang ở tại nhà nghỉ NT, hai bị cáo T2 và T1 bàn với nhau ra địa bàn tỉnh Quảng Trị để bán xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 và tìm xe mô tô khác để lấy trộm. Khoảng 18h cùng ngày, cả hai chạy xe đến Km 41 Quốc lộ 9 (thuộc thị trấn K, huyện Đ) thì dừng xe ăn tối, sau đó di chuyển về thành phố Đ. Khoảng 21h, đến thị trấn C3, bị cáo T1 quan sát thấy trên vỉa hè, trước nhà ông Nguyễn Công T (thuộc khu phố 2, thị trấn C2, huyện C3) có nhiều xe ô tô và xe máy, không có người trông giữ. Thấy thuận lợi để lấy trộm nên bị cáo T1 dừng xe nói bị cáo T2 chạy lên phía trước đợi T1. Bị cáo T2 hiểu ý nên điều khiển xe chạy qua nhà ông T một đoạn đứng đợi. Còn bị cáo T1 mang theo ba lô đựng vạm phá khóa đến vị trí xe mô tô nhãn hiệu Honda-Vision, màu đỏ.

Bị cáo T1 đi đến vị trí xe mô tô BKS 74G1 - 070.55 phát hiện xe không khóa ổ nên dắt xuống lòng đường rồi T1 ghép nối thanh kim loại đã chế tạo trước đó (vạm phá

khóa) với tay cầm trợ lực dứt đầu dẹt của dụng cụ này vào ổ khóa xe dùng tay phải vặn, lắc mạnh từ trái qua phải hai lần thì mở được khóa điện và khởi động được xe. Bị cáo T1 điều khiển xe mô tô BKS 74G1 - 070.55, còn bị cáo T1 tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 đi vào thành phố H2. Cả hai mang xe mô tô BKS 74G1 - 070.55 và BKS 74D1-142.73 về cất giấu ở nhà nghỉ NT.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐGTS ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C3, tỉnh Quảng Trị kết luận: xe mô tô BKS 74G1 - 070.55 hiệu Honda-Vision có trị giá: 19.300.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt trái phép là 54.492.000 đồng.

Ngoài các vụ trộm cắp tài sản ở trên, trong thời gian từ ngày 24/7/2017 đến 26/8/2017 các bị cáo Trần Quốc T1 và Huỳnh Thanh T2 còn thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản khác tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vật chứng, tài sản đã tạm giữ:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô BKS 74C1 -099.95, nhãn hiệu Yamaha-Sirius, màu sơn: đỏ - đen, số khung: C630DY761010, số máy: 5C63-761084 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Văn L; 01 xe mô tô BKS 74D1 - 142.73 nhãn hiệu Yamaha-Sirius, màu sơn: đen - đỏ, số khung C6J0EY094659, số máy 5C6J-094660 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe, chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy, thẻ bảo hiểm y tế mang tên Nguyễn Văn C; 01 xe mô tô BKS 61H1 - 160.98 nhãn hiệu Yamaha-Sirius, màu sơn: đen - đỏ, số máy: 5C63-693969, số khung: C630CY693892 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 xe mô tô BKS 74G1 - 070.55 nhãn hiệu Honda-Vision, màu sơn đỏ, số khung 3318DY494916, số máy F33E-0575112 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Lê Xuân Thanh H; 01 xe mô tô BKS 75K8 - 5930 nhãn hiệu Yamaha-Sirius, màu sơn đen-đỏ, số khung: 309Y219555, số máy: 5C63219563.

Các tài sản trên hiện đã trả lại cho các chủ sở hữu, riêng xe mô tô BKS 75K8 -5930 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã chuyển giao cho Công an tỉnh Thừa Thiên Huế điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự:

Các anh Trần Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Lê X, anh Lê Thanh T đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm. Các bị cáo Trần Quốc T1 và Huỳnh Thanh T2 thỏa thuận trả lại 6.000.000 đồng cho Bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H, mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (văn bản thỏa thuận ngày 17/11/2017).

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-P3 ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo T1, bị cáo T2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày lời luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trần

Quốc T1 từ 30 đến 36 tháng tù; bị cáo Huỳnh Thanh T2 từ 24 đến 36 tháng tù; buộc bị cáo T1 và bị cáo T2 phải bồi thường cho bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H mỗi bị cáo 3 triệu đồng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2017, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, các bị cáo Trần Quốc T1 và Huỳnh Thanh T2 đã bốn lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 04 chiếc xe mô tô của các anh Trần Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Lê X và anh Lê Thanh T với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 54.492.000 đồng. Hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện trước ngày 01/01/2018 (thời điểm Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực). Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, đối chiếu Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì khung hình phạt quy định tại khoản 2 đều từ mức hai năm đến bảy năm tù, nhưng khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 tình tiết định khung ít hơn khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, truy tố, xét xử các bị cáo theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có lợi cho các bị cáo. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố các bị cáo Trần Quốc T1 và Huỳnh Thanh T2 để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[2]. Xét tính chất vụ án, vai trò, vị trí của các bị cáo thấy:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Quốc T1 có ba lần là người khởi xướng, bốn lần trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản; bị cáo Huỳnh Thanh T2 có một lần khởi xướng và ba lần giúp sức tích cực cho bị cáo T1 thực hiện hành vi nên vai trò của bị cáo T1 trong vụ án là cao hơn so với bị cáo T2.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Chỉ trong một thời gian ngắn nhưng cả hai bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015. Nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng như “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với các bị cáo T1 và T2 vì cho rằng người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy đây không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 vì tại phiên tòa các bị hại không yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên không có căn cứ để chấp nhận đề nghị này để áp dụng thêm một tình tiết giảm nhẹ cho cả hai bị cáo.

[4]. Về mức hình phạt: Ngoài những lần trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hai bị cáo T1 và T2 cũng đã thực hiện thêm 08 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và hiện nay đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên khi quyết định hình phạt cần phải tuyên mức án nghiêm. Do đó, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo T1 từ 30 đến 36 tháng tù là nhẹ. Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo T1 ở mức cao hơn, xử phạt bị cáo T2 ở mức cao theo đề nghị của Viện kiểm sát và phải cách ly cả hai bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian là hết sức cần thiết, mới đủ tính răn đe, trừng trị và giáo dục phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại trong vụ án là các ông Nguyễn Văn C, ông Lê X, anh Trần Văn L, anh Lê Thanh T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu giải quyết gì thêm nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 6.000.000 đồng mà bị cáo T1 đã mượn ngày 11/8/2017; các bị cáo và bà H đã lập văn bản thỏa thuận, mỗi bị cáo trả lại cho bà H số tiền 3.000.000 đồng. Xét thấy, văn bản thỏa thuận lập ngày 14/11/2017 giữa các bị cáo T1, T2 và bà H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

[6]. Về án phí: Các bị cáo T1, T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã đấu tranh, làm rõ bà Lê Thị T - chủ nhà nghỉ NT và bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H không biết số tài sản là xe mô tô do các bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự.

[8]. Các bị cáo T1 và T2 đang bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định tạm giam trong một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không cần ban hành quyết định tạm giam các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Trần Quốc T1** và bị cáo **Huỳnh Thanh T2** (tên gọi khác: S) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 cho cả hai bị cáo, xử phạt:

- Bị cáo **Trần Quốc T1 42** (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Huỳnh Thanh T2 36** (*Ba mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 494, 496 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015:

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H và các bị cáo Trần Quốc T1, Huỳnh Thanh T2, mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho bà Công Huyền Tôn Nữ Mỹ H số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo không trả khoản tiền nói trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo Trần Quốc T1 và Huỳnh Thanh T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các bị cáo; bị hại;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT-Huế;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Viết Nam